

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HTN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2022.

Về việc: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTN, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Hoài Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thông Minh Tấn;

2. Ông Hoàng Văn Tâm;

**- Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Duy Khánh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hàm Thuận Nam tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân HTN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 226/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa 15/2022/HNGĐST-QĐ, ngày 24/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Trần Thị Thanh L - sinh năm 1981 (có mặt)**

- Bị đơn: **Ông Trần Việt B - sinh năm 1979 (vắng mặt)**

Cùng địa chỉ: số 349, thôn ĐT, xã MM, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh L trình bày:** bà và ông Trần Việt B quen biết yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MM, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận vào ngày 27/10/2004. Sau khi kết hôn bà và ông Bình sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng sau đó bà phát hiện ông B có nghiện ma túy từ đó trong cuộc sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và bất đồng dù đã cố gắng giải quyết, thuyết phục nhưng ông B không bỏ được, liên tục bỏ nhà đi để sử dụng ma túy. Đến khoảng tháng 5/2021 thì vợ chồng bà sống ly thân. Để giải thoát cho nhau và tạo môi trường sống tốt hơn cho các con lên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Trần Việt B.

**Về con chung:** bà và ông B có 02 con chung tên Trần Hải M (sinh ngày 16/12/2000) và Trần Hải A (sinh ngày 18/01/2004) hiện nay các cháu M và Hải A đều đã trên 18 tuổi lên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung:** tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Trong quá trình giải quyết vụ án (lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải) bị đơn là ông Trần Việt B không hợp tác, không đến Tòa án để trình bày mặc dù đã được tổng đạt và triệu tập hợp lệ nhiều lần do vậy không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.**

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

*Về nội dung vụ án:*

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án nhân dân HTN chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L, cho bà được ly hôn với ông Trần Việt B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L nộp đơn xin ly hôn với ông Trần Việt B (Cư trú tại: số 349, thôn ĐT, xã MM, huyện HTN, Bình Thuận), căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn là ông Trần Việt B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà Trần Thị Thanh L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện HTN giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Việt B. Với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong thời gian dài; giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, hiện nay hai bên đã không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hơn thế nữa Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần triệu tập và tiến hành mở các phiên hòa giải nhưng ông Bình đều vắng mặt, cho thấy ông B cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà L.

Như vậy, có thể khẳng định rằng tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh L và ông Trần Việt B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Thị Thanh L và ông Trần Việt B có 02 người con chung tên Trần Hải M, sinh ngày 16/12/2000 và Trần Hải A sinh ngày 18/01/2004. Hiện nay 02 cháu đã trên 18 tuổi bà L không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3.3] Về tài sản và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144, Điều 227, 228 và Điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L, bà Trần Thị Thanh L được ly hôn với ông Trần Việt B.

**2. Về con chung:** Trần Hải M và Trần Hải A đều đã trên 18 tuổi bà L không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Bà L không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

**4. Về án phí:** Bà Trần Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006302 ngày 28/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HTN. Bà Trần Thị Thanh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/7/2022). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện HTN;
- Chi cục THA dân sự huyện HTN;
- UBND xã MM, huyện HTN.
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hoài Tân**